

Chùa Trấn Quốc

Nằm trên dải đất ba mặt có Hồ Tây bao bọc, một mặt nối liền với đường cũ Cổ Ngự - đường Thanh Niên hiện nay, chùa Trấn Quốc như một hòn đảo sống vô quanh năm. Theo truyền thuyết, đây là ngôi chùa cổ vào bậc nhất ở nước ta. Nay chùa ở phường Yên Phụ, quận Tây Hồ.



Chùa Trấn Quốc. Ảnh: Vũ Hưng

Nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá, các nhà dã sử, chính sử đều đã ghi chép khá nhiều về sự ra đời của ngôi chùa cũng như tên gọi của nó. Nhìn chung, nhiều ý kiến đã cho rằng chùa Trấn Quốc hiện nay là ngôi chùa cổ được lập nên từ thời Tiền Lý với Lý Nam Đế (544- 548) và sự ra đời của Nhà nước Vạn Xuân. Chùa mang tên “*Khai quốc*” (Mở nước).

Chùa lúc đầu ở trên bãi sông Nhị, thuộc địa phận làng An Hoa, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên (tức là tên cũ làng Yên Phụ hiện nay, đến niên hiệu Đại Bảo (1440-1442) đời Lê Thái Tông đổi tên chùa thành An Quốc).

Năm Hoàng Định 16 (1615), bãi sông bị lở, chùa được dời tới làng Yên Phụ cạnh Hồ Tây, trên một đảo nhỏ kiểu đất “*cá vàng*”, nơi xưa kia đã từng dựng cung Thủy Hoa đời Lý và điện Hàm Nguyên đời Trần làm nơi nghỉ mát.

Vào năm 1624, sau khi đã đắp con đê “*cổ ngự*” - tức là “giữ chắc” (sau gọi chệch ra Cổ Ngự - hiện nay là đường Thanh Niên, dân làng An Hoa đã xây dựng thêm thượng điện, nhà thiêu hương, khơi hào xung quanh, mở đường đi lại... Từ lúc này chùa mới có tên là chùa Trấn Quốc - đó là năm Vĩnh Tộ 10 (1628) đời vua Lê Thần Tông.

Cũng có thuyết cho rằng chùa này trước là một hành cung đời Lý, về sau khi Lý Thường Kiệt khai hoàn từ cuộc chiến thắng châu Khâm – châu Liêm về, nhà Lý mới đổi hành cung ấy làm chùa, gọi là chùa Trấn Quốc.

Năm 1844, vua Thiệu Trị nhà Nguyễn ra Bắc, đến thăm chùa và đổi tên thành Trấn Bắc, mà nay tại nhà treo chuông trên tấm hoành phi còn hàng chữ “*Trấn Bắc tự*” song tên chùa Trấn Quốc đã quá quen thuộc với người dân Hà Nội nên vẫn tồn tại tới ngày nay.

Ngôi chùa luôn được trùng tu, tôn tạo. Vào năm Dương Hoà V (1639), chùa đã được chúa Trịnh Tráng cho sửa tam quan, xây hai bên tả hữu với qui mô rộng rãi, đẹp đẽ hơn trước.

Tấm bia “*Trấn Quốc tự bi ký*” được dựng năm Dương Hoà 5 (1639) do Trạng nguyên khoa Đinh Sửu, chức Hàn lâm Thị thư Nguyễn Xuân Chính soạn, là một nguồn sử liệu có cơ sở nhất giúp chúng ta tìm hiểu lịch sử ngôi chùa cùng cảnh đẹp của nó: “... Đáng quý thay chùa Trấn Quốc! Cảnh đẹp phủ Phụng Thiên, danh lam miền Kinh địa, phường An Hoa, huyện Quảng Đức. Chùa được xếp vào hàng thứ 4 của nước Nam...”.

Trong văn bia “*Tái tạo Trấn Quốc tự bi*” do Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779) soạn cũng ca ngợi cảnh đẹp ngôi chùa: “Đứng trên cao ngắm cảnh chùa, mây lồng đáy nước, mặt hồ ánh xanh xanh khiến du khách lâng lâng. Tiếng chuông chùa gọi ai tỉnh mộng trần tục...”.

Qua nhiều triều đại, chùa Trấn Quốc vẫn được coi là một ngôi chùa rất đẹp ở vào vị trí danh thắng bậc nhất Kinh thành. Chúa Trịnh cũng từng dựng hành cung gần chùa để làm nơi nghỉ mát. Trải qua cuộc biến đổi thời Tây Sơn, ngôi chùa dần dần hoang phế, nhân dân địa phương cùng bàn bạc, xin được tu sửa. Kiến trúc hiện nay là do lần trùng tu lớn vào năm Ất Hợi, niên hiệu Gia Long 14 (1815) trên văn bia “*Tái tạo Trấn Quốc tự bi*” do Tiến sĩ khoa 1779 Phạm Lập Trai soạn vẫn còn rõ nét. Chùa với qui mô kiến trúc khá rộng, phong cảnh đẹp đẽ, một ngôi chùa nổi tiếng kết hợp được vẻ đẹp cổ kính của di tích có lịch sử với vẻ đẹp thanh nhả của một thắng cảnh ven hồ Tây.

Những tấm bia quý đã mô tả đầy đủ các quá trình hưng công tu tạo chùa, cùng các cổ thư, còn cho chúng ta biết nơi đây đã từng có nhiều nhà sư nổi tiếng trụ trì - tiêu biểu là Thiền sư Khuông Việt thời Đinh - Lê (thế kỷ XI Thái hậu Ý Lan thời Lý (thế kỷ XI) cũng đã từng mở tiệc chay khoản đãi các bậc sư già và cùng các vị thiền sư kê cứu Phật học tại đây. Chùa Trấn Quốc cũng giống như các ngôi chùa thờ Phật của người Việt, song ở đây còn lưu giữ khá đầy đủ các hệ thống tượng. Đáng chú ý nhất trong khối lượng tượng Phật của chùa là bộ Tam Thế, Phật Niết Bàn và các sư Tổ của chùa. Trong chùa còn nhiều bài thơ, câu đối của vua quan triều Nguyễn, Thám hoa Vũ Phạm Hàm đã đề:

*Đình nhạc độc sở chung, tổ An Dương, ngật Đình, Lê, Lý, Trần, Lê hộ quốc tì dân tinh linh
cải cố,*

*Tung thiên hạ nhi lập, đương Chu, Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, siêu phàm nhập
thánh thanh tích truyền kim.*

Tạm dịch:

(Chung đức non sông, từ An Dương tới Đình, Lê, Lý, Trần;

*Lê giữ nước giúp dân, tinh anh trù thuở trước, Đứng sừng trời đất, sách Chu, Tần
qua Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh vượt phàm vào thánh, danh tích ngày nay).*

Trước cửa chùa hiện nay còn 3 chữ “Phương tiện môn”, dưới kèm đôi câu đối nôm:

Vang tai xe ngựa qua đường tục,

Mở mặt non sông đứng cửa thiền.

Đặc biệt, ngôi chùa còn có một vườn tháp lớn với rất nhiều tháp, trong đó, theo một số nhà nghiên cứu cho biết có những tháp được dựng theo đồ án với chỉ định của Giám đốc trường Viễn Đông Bác cổ trước kia.

Vào thời thuộc Pháp, Viện Viễn Đông Bác cổ đã dày công nghiên cứu ngôi chùa cổ kính này và chùa đã từng được xếp hạng là công trình lịch sử số 10 trong toàn xứ Đông Dương (Nghị định 16 tháng 5 năm 1925). Trải qua suốt thời phong kiến biết bao biến động đã đến với ngôi chùa, nhưng chùa Trấn Quốc vẫn được bảo vệ, tôn tạo và là 1 trong 12 di tích lớn của đất nước. Từ xa xưa, hàng năm cứ đến ngày rằm tháng giêng, nhà vua cùng bách quan trăm họ đến chùa lễ Phật mong sự bình yên, thư thái. Ngôi chùa mà ai nấy đều biết tiếng đã từng một thời các vua Lê, chúa Trịnh hầu như giữ độc quyền để chơi mát và thưởng sen...

Ngôi chùa sự thực là một di sản văn hoá của dân tộc, nơi danh lam thắng cảnh của Kinh thành xưa kia và Thủ đô ngày nay. Ngôi chùa đã là nơi quần tụ các công trình của nhiều nhà văn, nhà thơ, nhiều nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa của đất nước.

Chùa Trấn Quốc đã đi vào lịch sử như một niềm tự hào của văn hoá dân tộc. Chùa đã được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa đợt đầu trong cả nước năm 1962.

*Theo Hà Nội - Di tích Lịch sử Văn hóa và Danh thắng, Doãn Đuan Trinh, Trung tâm UNESCO bảo tồn
và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam, Hà Nội, 2002, tr669-673*